

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 08/2017/HC-ST

Ngày: 07/8/2017

V/v khiếu kiện: Quyết định giải quyết
khiếu nại trong quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Văn Bê

2. Ông Nguyễn Ngọc Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Hải Minh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Trình- Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2014/TLST-HC ngày 22 tháng 5 năm 2014 về khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐST-HC ngày 05 tháng 7 năm 2017 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 215/TB-TA ngày 17/7/2017 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị V - Sinh năm 1956. (Có mặt)

Địa chỉ: tổ dân phố số 1, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:

Ông Tạ Anh T - Công ty Luật TNHH V - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. (Có mặt)

Địa chỉ: Tầng 8, toà nhà D, đường L, quận T, Hà Nội.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

Địa chỉ: số 82 H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lại Thanh S - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Ngô Văn X, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; ông Nguyễn Tiến D, Phó Chủ tịch UBND thành phố B. (Ông X có mặt, ông D vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chủ tịch UBND thành phố B

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Minh T - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

2. Anh Nguyễn Văn S1 - Sinh năm 1979. (Có mặt)

Địa chỉ: cụm 1, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Trần Trung H - Sinh năm 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: tổ dân phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

4. Chị Nguyễn Thị S- Sinh năm 1985

Địa chỉ: tổ dân phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

5. Ông Nguyễn Văn T - SN 1988. (Vắng mặt)

Địa chỉ: tổ dân phố số 1, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

6. Ông Nguyễn Văn S2 - SN 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: tổ dân phố số 1, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản trình bày và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị V trình bày:

Về nguồn gốc sử dụng đất: Gia đình bà sử dụng đất có nguồn gốc đất ở từ trước ngày 15/10/1993, cụ thể: Năm 1992 vợ chồng bà là Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị V có khai hoang, vỡ hoá thửa đất có nhà ở, đất vườn, ao tổng diện tích 1.409,8m². Trên thửa đất này, tại thời điểm có quyết định thu hồi đất có 02 hộ gia đình (08 nhân khẩu) cùng chung sống, ở ổn định, lâu dài không có tranh chấp gồm các hộ: Hộ ông Nguyễn Văn B và hộ anh Trần Trung H. Kể từ thời điểm năm 1992 đến nay 02 hộ gia đình vẫn sử dụng diện tích này vào mục đích để ở và nuôi trồng thuỷ sản, không có tranh chấp và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế nhà đất hàng năm cho Nhà nước.

Năm 2010, thực hiện dự án mở rộng nhà máy đạm Hà Bắc, cơ quan có thẩm quyền trích đo địa chính khu đất, phục vụ công tác bồi thường GPMB. UBND thành phố B đã ban hành các quyết định: Quyết định số 623/QĐ-UBND và Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 20/3/2012; Quyết định số 2830/QĐ-UBND ngày 27/9/2012; Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 27/9/2012 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình có đất bị thu hồi để thực hiện dự án, trong đó có hộ gia đình bà V. Tuy nhiên bà không đồng ý với việc bồi thường nên đã có đơn khiếu nại gửi UBND thành phố B.

UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 11/10/2012 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn B, trú tại tổ dân phố số 1, phường T, thành phố B. Không nhất trí với quyết định giải quyết của UBND thành phố B, bà V (vợ ông B) có đơn khiếu nại gửi UBND tỉnh Bắc Giang. Ngày 30/9/2013, Chủ tịch UBND tỉnh có Quyết định số 1523/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của hộ bà V, trú tại tổ dân phố số 1, phường T, thành phố B. Không đồng ý với giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang, bà V làm đơn khởi kiện quyết định số 1523 đến TAND tỉnh Bắc Giang. Bởi các lý do sau:

- Ngày 22/6/2012, UBND thành phố B có Quyết định số 1642/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ...theo đó số tiền bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư của gia đình bà V được điều chỉnh là: 974.436.630 đồng và 1 lô đất tái định cư. Trong quá trình thực hiện dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc; ngày 05/9/2011 tổ dân phố 1, phường T, thành phố B có buổi họp tổ dân phố bàn về công tác đền bù GPMB. Theo Biên bản cuộc họp 100% ý kiến nhân dân thuộc tổ dân phố số 1 tham dự họp đều “*Nhất trí đồng ý bà Nguyễn Thị V (B) sử dụng nguồn gốc đất có trước 15/10/1993*”. Như vậy nguồn gốc đất của gia đình bà sử dụng trước ngày 15/10/1993, phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 10 quyết định số 177/2012/QĐ-UBND ngày 20/6/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định về trình tự, thủ tục khi Nhà nước thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Cũng trong hồ sơ thể hiện trích lục bản đồ địa chính khu đất, trích lục từ tờ bản đồ trích đo địa chính số 02 phường T, thành phố B do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Bắc Giang xác nhận, thì thửa đất số 20, tờ bản đồ số 02 của gia đình bà có ghi: 1.409,8m² là đất “ODT” (đất ở đô thị); 195,5m² đất là đất ao; hơn nữa tại thời điểm có quyết định thu hồi đất trên mảnh đất này có 02 hộ gia đình cùng chung sống có hộ khẩu riêng biệt, được thể hiện ở bản danh sách xác nhận nhân khẩu, số cặp vợ chồng có 02 cặp vợ chồng, 02 hộ, 08 nhân khẩu.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật đất đai và điểm i khoản 2 Điều 3 Nghị định số 84 về hướng dẫn áp dụng khoản 4 Điều 50 Luật đất đai quy định: “2. *Việc xác định thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định được căn cứ vào ngày tháng năm sử dụng và mục đích sử dụng đất ghi trên một trong các giấy tờ sau: ...i) bản đồ, sổ mục kê, tài liệu điều tra về đất đai qua các thời kỳ*”

Theo quy định điều luật viện dẫn ở trên hộ gia đình bà sử dụng đất từ năm 1992 đến thời điểm có quyết định thu hồi vẫn sử dụng vào mục đích để ở, không có tranh chấp thể hiện trên trích lục bản đồ số 02 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Bắc Giang ký xác nhận.

Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 điều chỉnh giảm diện tích công nhận là đất ở, giảm số lô đất tái định cư là trái với quy định của pháp luật. Vì:

Như bà V đã trình bày ở phần trên: Tại thời điểm thu hồi đất năm 2012, trên thửa đất số 20, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.409,8m² có hai hộ gia đình cùng chung sống, 02 cặp vợ chồng và 08 nhân khẩu: hộ bà Nguyễn Thị V và hộ con gái là Nguyễn Thị S (gồm có bà V, ông B, S2 là con bà V, Nguyễn Văn T- con trai bà V, S là con gái bà

V, con rể là Trần Trung H, cháu ngoại Trần Trang N, cháu ngoại Trần Khánh L, tổng là 08 người) cư trú tổ dân phố số 1, phường T, thành phố B. Và được UBND phường T và Công an phường T xác nhận ngày 15/3/2012 (bút lục 54) xác nhận tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.409,8m² có 08 nhân khẩu, 02 cặp vợ chồng và 02 hộ. Do vậy căn cứ điểm d khoản 1 Điều 14 quyết định số 36/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và căn cứ khoản 4 Điều 4 quyết định số 134/2009/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của UBND tỉnh quy định về hạn mức giao đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang quy định: *“Đối với trường hợp thửa đất ở có vườn, ao được hình thành từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993 và người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1,2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 thì diện tích đất ở có vườn, ao được xác định như sau: a, Tại các xã trung du: Diện tích công nhận là đất ở không quá 200 m²; b, Tại các xã miền núi: Diện tích công nhận là đất ở không quá 360m². ”*

Theo các điều luật viện dẫn ở trên thì thửa đất số 20 có 02 hộ gia đình, 02 cặp vợ chồng cùng chung sống hạn mức được công nhận là đất ở phải là 400m² và được bố trí 04 lô đất tái định cư (vận dụng công văn số 1751/UBND-TN ngày 04/8/2011) trong đó: Vợ chồng bà là ông B (bà V) hạn mức công nhận là đất ở 200m², được bố trí 02 lô đất tái định cư; hạn mức công nhận đối với hộ ông Trần Trung H là 200m² đất ở, được bố trí 02 lô đất tái định cư. Tuy nhiên quyết định trả lời giải quyết khiếu nại số 1523/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh điều chỉnh giảm phần diện tích công nhận là đất ở, trên cơ sở quyết định này, UBND thành phố B ban hành quyết định số 4861/QĐ-UBND ngày 06/12/2013 điều chỉnh giảm diện tích đất ở, chỉ công nhận hộ gia đình bà bị thu hồi 100m² đất ở còn lại 1.309,8m² là đất vườn ao là không có căn cứ.

Vì vậy, căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 163 Luật Tổ tụng hành chính, bà V đề nghị Toà án huỷ toàn bộ quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị V, trú tại tổ dân phố số 1, phường T, thành phố B.

2. *Tại văn bản trình bày quan điểm và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang là ông Lại Thanh S trình bày:* Người bị kiện không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện. Lý do:

a. Về trình tự, thẩm quyền giải quyết vụ việc.

- Gia đình bà Nguyễn Thị V (chồng là ông Nguyễn Văn B) sử dụng một phần thửa đất số 166, tờ bản đồ số 2, bản đồ địa chính phường T, đo đạc năm 1998 có tổng diện tích 11.923,2m²; mục đích sử dụng của thửa đất: VLXD - vật liệu xây dựng. Phần đất hộ gia đình bà V sử dụng chưa được cấp giấy CNQSD đất và không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.

- Năm 2010, thực hiện dự án mở rộng nhà máy đạm Hà Bắc, cơ quan có thẩm quyền trích đo địa chính khu đất, phục vụ công tác bồi thường GPMB; đất gia đình bà V được thể hiện tại thửa số 20, diện tích 1.409,8m², đất có nhà ở (thửa đất này là một phần của thửa số 166, bản đồ năm 1998 nói trên).

Trên cơ sở Tờ tự khai của gia đình bà V và xác nhận của UBND phường T về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất của gia đình bà V.

- Ngày 20/3/2012, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 623/QĐ-UBND về việc thu hồi đất (đợt 7) của 92 hộ gia đình, cá nhân..., theo đó hộ gia đình bà V bị thu hồi 1.409,8m²; trong đó: đất ở 100,0m² (thời điểm sử dụng sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004), đất trồng cây lâu năm 1.309,8m². Cùng ngày, UBND thành phố B có Quyết định số 624/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 7)...; theo đó hộ gia đình bà V được bồi thường, hỗ trợ: 751.811.630 đồng và được bố trí 02 lô đất tái định cư.

- Ngày 22/6/2012, UBND thành phố B có Quyết định số 1642/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ...; theo đó số tiền bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư của gia đình bà V được điều chỉnh là: 974.436.630 đồng và 1 lô đất tái định cư (điều chỉnh tăng tiền bồi thường, hỗ trợ 222.625.000 đồng; và điều chỉnh giảm 01 lô đất tái định cư).

- Ngày 27/9/2012, UBND thành phố B có Quyết định số 2830/QĐ-UBND về việc thu hồi bổ sung và điều chỉnh diện tích, loại đất đã được UBND thành phố thu hồi tại Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 20/3/2012 để thực hiện dự án – “*lý do điều chỉnh: Áp dụng hạn mức công nhận đất ở ... đã được UBND phường xác nhận bổ sung diện tích, loại đất tại Công văn số 198/UBND ngày 17/9/2012 và theo khoản 6, Điều 4 Quyết định số 134/2009/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của UBND tỉnh Bắc Giang*”; theo đó gia đình bà V (ông B) được điều chỉnh như sau: Diện tích đất ở được điều chỉnh từ 100m² thành 230,9m² (đất có nhà ở sử dụng từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004); Đất vườn từ 1.309,8m² thành 1.178,9m². Cùng ngày, UBND thành phố B có Quyết định số 2831/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ...; theo đó gia đình bà V (B) được điều chỉnh tăng kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất trên, số tiền được điều chỉnh tăng lên là: 1.075.787.530 đồng và được bố trí thêm 01 lô đất tái định cư theo văn bản số 1751/2011 của UBND tỉnh.

Sau khi nhận các quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ của UBND thành phố, gia đình bà V không nhất trí và có đơn khiếu nại gửi UBND thành phố B.

- Ngày 11/10/2012, UBND thành phố có Quyết định số 3003/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn B, trú tại Tổ dân phố số 1, phường T, thành phố B, nội dung ghi: “**Điều 1.** Việc khiếu nại của ông Nguyễn Văn B, trú tại Tổ dân phố số 1, phường T được giải quyết như sau:

Ông Nguyễn Văn B khiếu nại các Quyết định của UBND thành phố B: Số 623/QĐ-UBND ngày 20/3/2012; số 624/QĐ-UBND ngày 20/3/2012; số 2830/QĐ-

UBND ngày 27/9/2012; số 2831/QĐ-UBND ngày 27/9/2012 về việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (đợt 7) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc là không có cơ sở, bởi vì: UBND thành phố đã thực hiện việc thu hồi, bồi thường GPMB đối với hộ gia đình Ông là đúng theo quy định... ”.

Không nhất trí với quyết định giải quyết của UBND thành phố B, bà Nguyễn Thị V (vợ ông Nguyễn Văn B) có đơn khiếu nại gửi UBND tỉnh Bắc Giang.

- Ngày 30/9/2013, Chủ tịch UBND tỉnh có Quyết định số 1523/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của hộ bà Nguyễn Thị V, trú tại tổ dân phố số 1, phường T, thành phố B, có nội dung: “- *Thông nhất nội dung giải quyết tại các khoản 2, 3, 4 Điều 1 Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 11/10/2012 của Chủ tịch UBND thành phố B;*

Chủ tịch UBND thành phố B xem xét sửa đổi Khoản 1, Điều 1 Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 11/10/2012 trên cơ sở điều chỉnh lại nội dung về hạn mức đất ở được công nhận để bồi thường và bố trí tái định cư đối với hộ gia đình bà V tại các Quyết định: số 2830/QĐ-UBND; số 2831/QĐ-UBND ngày 27/9/2012 theo đúng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 15; Điểm a, Khoản 1, Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; xem xét bố trí tái định cư theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 14 bản Quy định kèm theo Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 27/01/2011 của UBND tỉnh.”.

Như vậy, giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh tại Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 là đúng trình tự và đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 138 Luật đất đai 2003 (nay là khoản 2 Điều 204 Luật đất đai 2013); khoản 2, Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011.

b. Căn cứ quy định của pháp luật để Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 30/9/2013.

- Không đủ điều kiện để công nhận theo quy định tại khoản 4, Điều 50 Luật Đất đai và Điều 3, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, vì:

+ **Về đất:** Đất gia đình bà V (B) quản lý, sử dụng được UBND phường T xác nhận sử dụng sau ngày 15/10/1993 và trước ngày 01/7/2014; không có một trong các giấy tờ theo quy định tại khoản 1, 2, 5 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.

Nguồn gốc đất là: đất CDK (chuyên dùng khác) và VLXD (vật liệu xây dựng) được thể hiện trên bản đồ địa chính đo đạc năm 1998 và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, nghiệm thu theo quy định của pháp luật;

+ **Về giấy tờ:** Năm 1999, hộ khẩu của gia đình bà V được đăng ký tại thôn N, xã X (nay là phường X) ; khi đối chiếu các phiếu nộp thuế sử dụng đất của gia đình bà chỉ được thể hiện ở các năm 2006, 2008, 2009, 2010, 2011; không có giấy tờ gì khác để chứng minh việc quản lý sử dụng trước ngày 15/10/1993.

Biên bản họp dân, lấy ý kiến về việc xác định nguồn gốc đất của hộ gia đình bà V không đúng mẫu quy định, không được UBND phường T tổ chức họp và xác nhận theo quy định tại điểm 1, mục I Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT ngày 15/6/2007 Hướng thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ. Tổ dân phố họp theo tinh thần tự phát, nên không đủ cơ sở để xác định, công nhận theo quy định của pháp luật.

- Đất của gia đình bà V được UBND phường xác nhận là sử dụng từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004, theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ thì được công nhận hạn mức theo quy định tại khoản 5, Điều 84 Luật Đất đai năm 2003, và phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP về thu tiền sử dụng đất của Chính phủ với diện tích trong hạn mức; diện tích ngoài hạn mức thì phải nộp tiền theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 8 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP.

- Quy định tại khoản 6, Điều 4 Bản quy định kèm theo Quyết định số 134/2009/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của UBND tỉnh Bắc Giang chỉ áp dụng đối với trường hợp thửa đất ở được hình thành từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993, không áp dụng với trường hợp sau ngày 15/10/1993.

Bà V cho rằng Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh điều chỉnh giảm số lô đất tái định cư là không chính xác; vì tại Quyết định này Chủ tịch tỉnh chỉ giao cho Chủ tịch UBND thành phố B xem xét điều chỉnh lại nội dung về hạn mức đất ở được công nhận để bồi thường và bố trí tái định cư theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 15; điểm a, khoản 1, Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; xem xét bố trí tái định cư theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 14 bản Quy định kèm theo Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 27/01/2011 của UBND tỉnh.

Từ những căn cứ nêu trên, khẳng định việc Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 về việc giải quyết đơn đối với hộ gia đình bà V là có căn cứ pháp luật.

3. Tại văn bản trình bày quan điểm và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B (do ông Nguyễn Minh T là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

3.1. Về nguồn gốc và quá trình thu hồi bồi thường, hỗ trợ GPMB và giải quyết đơn của hộ bà Nguyễn Thị V:

a. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1998, thửa đất có nhà ở của hộ ông Nguyễn Văn B nằm trong thửa đất số 166, tờ bản đồ số 01, diện tích 11.923,2m², loại đất vật liệu xây dựng; thửa đất trồng Keo nằm trong thửa đất số 4, tờ bản đồ số 28, diện tích 2.855,7m², loại đất chuyên dùng;

Theo bản đồ bồi thường GPMB dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc, gia đình ông B sử dụng 02 thửa đất tại tờ bản đồ số 2: Thửa đất số 20, diện tích 1.409,8m² đất có nhà ở; thửa đất số 31 (ký hiệu BHK thể hiện là Đất trồng cây hàng năm khác), diện tích 826,9m² hiện đang trồng Keo; các thửa đất trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có các giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại các khoản 1, 2, và 5 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.

b. Về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ GPMB:

Thực hiện Quyết định số 343/2005/QĐ-TTg ngày 26/12/2005 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hoá chất Việt Nam đến năm 2010; Quyết định số 427/QĐ-HCVN ngày 20/10/2009 của Tổng công ty Hoá chất Việt Nam về việc phê duyệt điều chỉnh dự án và đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo - mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc thuộc Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc.

Ngày 05/4/2010 và ngày 24/12/2011, gia đình ông Nguyễn Văn B (vợ là bà Nguyễn Thị V) có tờ tự khai về đất đai, tài sản trên đất trong bồi thường GPMB được Tổ trưởng Tổ dân phố số 1 xác nhận ngày 06/4/2010, ngày 24/12/2011 và được UBND phường T xác nhận ngày 28/02/2012: thửa đất số 20, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.409,8m² *đất có nhà ở thời điểm sử dụng từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004; đề nghị bồi thường 100m² đất ở, 1.309,8m² đất vườn cùng thửa đất có nhà ở; thửa đất số 31, tờ bản đồ số 2, diện tích 826,9m² đất chuyên dùng khác được sử dụng trồng cây lâu năm không bồi thường về đất;*

Ngày 20/3/2012, UBND thành phố có Quyết định số 623/QĐ-UBND về việc thu hồi 23.333,3m² đất (đợt 7) của 92 hộ gia đình, cá nhân và UBND phường T quản lý; trong đó, thu hồi của hộ ông Nguyễn Văn B tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.409,8m² (trong đó: 100m² đất ở; 1.309,8m² đất vườn trong cùng thửa đất có nhà ở).

Ngày 20/3/2012, UBND thành phố có Quyết định số 624/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư (đợt 7) khi Nhà nước thu hồi đất; hộ ông Nguyễn Văn B được bố trí 02 lô đất tái định cư và được bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất với tổng kinh phí là 794.589.330đồng (*theo bản danh sách xác nhận nhân khẩu của Công an phường T và UBND phường T: 8 nhân khẩu bao gồm: Chồng Nguyễn Văn B, vợ Nguyễn Thị V; con trai Nguyễn Văn S2; con trai Nguyễn Văn T; con trai ông Nguyễn Văn S1 và vợ Trần Thị N và cháu: Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T*).

Ngày 22/6/2012, UBND thành phố có Quyết định số 1642/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; trong đó: Hộ ông Nguyễn Văn B được bổ sung kinh phí hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, hỗ trợ đất nông nghiệp theo Công văn số 504/UBND-TN ngày 18/3/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang; cụ thể như sau:

- Điều chỉnh giảm kinh phí hỗ trợ di chuyển chỗ ở trong phạm vi phường và kinh phí hỗ trợ tiền thuê nhà của hộ ông Nguyễn Văn S1 (vợ là bà N), tổng 4 nhân khẩu - là con bà V để chuyển về thửa đất số 32, tờ bản đồ số 06 (đã lập phương án BT GPMB vào đợt 8); kinh phí giảm là: 6.100.000 đồng.

- Tại Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 20/3/2012 của UBND thành phố phê duyệt 02 lô đất tái định cư, phải điều chỉnh giảm 01 lô đất tái định cư; lý do điều chỉnh giảm 01 lô đất do hộ ông S1 (vợ là N) chuyển xuất tái định cư về thửa đất số 32, tờ bản đồ số 06. Sau điều chỉnh hộ bà V còn lại 01 lô đất tái định cư.

- Bổ sung kinh phí hỗ trợ đất nông nghiệp thuộc phường là 165.000.000 đồng và bổ sung kinh phí vận dụng Công văn số 504/UBND-TN ngày 18/3/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc hỗ trợ khác để GPMB đối với những dự án tại các phường trên địa bàn TP B và dự án đường vành đai khu Đông Bắc, với kinh phí là 63.725.000 đồng.

(Theo bản danh sách xác nhận nhân khẩu của Công an phường T và UBND phường T: 4 nhân khẩu bao gồm: Ông Nguyễn Văn B, vợ Nguyễn Thị V; con trai Nguyễn Văn S2; con trai Nguyễn Văn T).

Ngày 05/9/2012, UBND phường T có Công văn số 189/UBND về việc xác nhận bổ sung diện tích, loại đất đối với hộ ông Nguyễn Văn B; ngày 19/9/2012, UBND thành phố có Quyết định số 2751/QĐ-UBND về việc thu hồi 826,9m² đất trồng cây hàng năm do hộ gia đình ông Nguyễn Văn B sử dụng sau ngày 01/7/2004.

Tiếp thu ý kiến đề nghị của các hộ gia đình và tranh thủ ý kiến của các ngành tỉnh; ngày 12/9/2012, Chủ tịch UBND thành phố có Công văn số 2040/UBND-TNMT về việc xác nhận diện tích đất ở trong bồi thường GPMB dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc; ngày 17/9/2012, UBND phường T có Công văn số 198/UBND về việc xác nhận bổ sung diện tích, loại đất đối với 02 hộ gia đình, cá nhân có đất ở trong bồi thường GPMB dự án: Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc; trong đó: Gia đình ông B được xác nhận bổ sung diện tích đất có nhà ở theo hiện trạng xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt là 230,9m².

- Ngày 27/9/2012, UBND thành phố B có Quyết định số 2830/QĐ-UBND về việc thu hồi bổ sung và điều chỉnh diện tích, loại đất đã được UBND thành phố thu hồi tại Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 20/3/2012 để thực hiện dự án – “lý do điều chỉnh: Áp dụng hạn mức công nhận đất ở ... đã được UBND phường xác nhận bổ sung diện tích, loại đất tại Công văn số 198/UBND ngày 17/9/2012 và theo khoản 6, Điều 4 Quyết định số 134/2009/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của UBND tỉnh Bắc Giang”; theo đó gia đình bà V (ông B) được điều chỉnh như sau: Diện tích đất ở được điều chỉnh từ 100m² thành 230,9m² (đất có nhà ở sử dụng từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004); Đất vườn từ 1.309,8m² thành 1.178,9m². Cùng ngày, UBND thành phố B có Quyết định số 2831/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ...; theo đó gia đình bà V (B) được điều chỉnh tăng kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất

trên, số tiền được điều chỉnh tăng lên là: 1.075.787.530 đồng và được bố trí thêm 01 lô đất tái định cư theo văn bản số 1751/2011 của UBND tỉnh.

Sau khi nhận các quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ của UBND thành phố, gia đình bà V không nhất trí và có đơn khiếu nại gửi UBND thành phố B.

- Ngày 11/10/2012, UBND thành phố có Quyết định số 3003/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn B, trú tại Tổ dân phố số 1, phường T, thành phố B, nội dung ghi: “**Điều 1.** Việc khiếu nại của ông Nguyễn Văn B, trú tại Tổ dân phố số 1, phường T được giải quyết như sau:

Ông Nguyễn Văn B khiếu nại các Quyết định của UBND thành phố B: Số 623/QĐ-UBND ngày 20/3/2012; số 624/QĐ-UBND ngày 20/3/2012; số 2830/QĐ-UBND ngày 27/9/2012; số 2831/QĐ-UBND ngày 27/9/2012 về việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (đợt 7) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc là không có cơ sở, bởi vì: UBND thành phố đã thực hiện việc thu hồi, bồi thường GPMB đối với hộ gia đình Ông là đúng theo quy định... ”.

Không nhất trí với quyết định giải quyết của UBND thành phố B, bà Nguyễn Thị V (vợ ông Nguyễn Văn B) có đơn khiếu nại gửi UBND tỉnh Bắc Giang.

- Ngày 30/9/2013, Chủ tịch UBND tỉnh có Quyết định số 1523/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của hộ bà Nguyễn Thị Vui, trú tại tổ dân phố số 1, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, có nội dung: “- **Thống nhất nội dung giải quyết tại các khoản 2, 3, 4 Điều 1 Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 11/10/2012 của Chủ tịch UBND thành phố B;**

Chủ tịch UBND thành phố B xem xét sửa đổi Khoản 1, Điều 1 Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 11/10/2012 trên cơ sở điều chỉnh lại nội dung về hạn mức đất ở được công nhận để bồi thường và bố trí tái định cư đối với hộ gia đình bà V tại các Quyết định: số 2830/QĐ-UBND; số 2831/QĐ-UBND ngày 27/9/2012 theo đúng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 15; Điểm a, Khoản 1, Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; xem xét bố trí tái định cư theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 14 bản Quy định kèm theo Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 27/01/2011 của UBND tỉnh.”.

Thực hiện Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của Chủ tịch UBND thành phố; ngày 06/12/2013 UBND thành phố ban hành các Quyết định số 4861/QĐ-UBND về điều chỉnh diện tích, loại đất đã thu hồi đối với hộ bà Nguyễn Thị V và Quyết định số 4862/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung phương án; trong đó: Điều chỉnh 130,9m² từ đất ở sang đất trồng cây lâu năm đối; điều chỉnh giảm 111.265.000đ đã phê duyệt tại Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 27/9/2012 của UBND thành phố; bổ sung tổng kinh phí 23.169.300đ (tổng kinh phí hộ bà V điều chỉnh giảm là: 88.095.700đ) và điều chỉnh giảm 01 lô đất tái định cư với hộ bà Nguyễn Thị V.

3.2. Về việc thu hồi, bồi thường hộ ông Nguyễn Văn S1 (con bà Nguyễn Thị V)

Thực hiện dự án Cải tạo - mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc thuộc Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc;

Ngày 01/4/2010 bà Trần Thị N (vợ ông S1) có tờ tự khai về đất đai, tài sản trên đất trong bồi thường GPMB được Tổ trưởng Tổ dân phố số 1 xác nhận ngày 06/4/2010 và được UBND phường T xác nhận các ngày 25/3/2011 và ngày 13/7/2012, cụ thể: *Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 06, diện tích 499,8m² đất có nhà ở thời điểm sử dụng trước ngày 15/10/1993; Thửa đất số 32 tờ bản đồ số 06, diện tích 483,0m² đất Ao; Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 06, diện tích 84,4m² đất vườn;*

Ngày 12/9/2012, UBND thành phố ban hành Quyết định số 2686/QĐ-UBND về việc thu hồi 25.074,1m² đất (đợt 8) của 68 hộ gia đình, cá nhân và UBND phường T quản lý để thực hiện dự án; trong đó có thu hồi của hộ ông Nguyễn Văn S1: *Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 06, diện tích 499,8m² (200,0m² đất có nhà ở thời điểm sử dụng trước ngày 15/10/1993 và 299,8m² đất trồng cây lâu năm); Thửa đất số 32 tờ bản đồ số 06, diện tích 483,0m² đất Ao; Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 06, diện tích 84,4m² đất trồng cây lâu năm;*

Ngày 12/9/2012, UBND thành phố ban hành Quyết định số 2687/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; trong đó hộ ông S1 được bồi thường, hỗ trợ tổng kinh phí là 1.044.260.460 đồng và được bố 02 lô đất ở tái định cư (01 lô theo sổ cấp vợ chồng và 01 lô đất tái định cư theo văn bản số 1751/2011 của UBND tỉnh).

Sau khi tiếp thu ý kiến đề nghị của các hộ gia đình và tranh thủ ý kiến của các ngành tỉnh; UBND thành phố đã chỉ đạo các đơn vị xem xét lại hiện trạng sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn S1 và ngày 10/5/2013 UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 1311/QĐ-UBND và Quyết định số 1312/QĐ-UBND về điều chỉnh loại đất, diện tích và điều chỉnh, bổ sung kinh phí một số hộ gia đình; trong đó hộ ông Nguyễn Văn S1 được điều chỉnh: *Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 06, diện tích 499,8m² (300,0m² đất có nhà ở thời điểm sử dụng trước ngày 15/10/1993 và 199,8m² đất trồng cây lâu năm;)* kinh phí được bổ sung là 79.800.000 đồng và bổ sung 01 lô đất tái định cư theo văn bản số 1751/2011 của UBND tỉnh.

Như vậy, tổng số lô đất tái định cư của hộ ông Nguyễn Văn S1 là: 03 lô.

3.3. Về việc thu hồi, bồi thường hộ bà Nguyễn Thị N (chồng là H) - là mẹ chồng của bà Nguyễn Thị S (chồng là ông Trần Trung H), con gái bà Nguyễn Thị V.

Thực hiện dự án Cải tạo - mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc thuộc Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc;

Ngày 27/12/2011, UBND thành phố ban hành Quyết định số 3773/QĐ-UBND và Quyết định số 3774/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án (đợt 6) khi thực hiện dự án; trong đó hộ bà Nguyễn Thị N (chồng là H) - là mẹ chồng của bà Nguyễn Thị S, con gái bà Nguyễn Thị V, *thu hồi tại Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 07,*

diện tích 708,7m² (250,0m² đất ở 245,0m² đất trồng cây lâu năm; 198,4m² đất nuôi trồng thủy sản và có 15,3m² coi nơi đất ao công ích sau ngày 01/7/2004). Tổng kinh phí được nhận là 869.803.640 đồng và được bố trí 06 lô đất tái định cư cho 06 cặp vợ chồng (bao gồm: Ông Trần Trung H2 (vợ bà Nguyễn Thị N)- Chủ hộ là bố, mẹ; ông Trần Trung H3 (vợ bà Trần Thị L)-con trai và con dâu; ông Trần Trung H4(vợ bà Nguyễn Thị H) -con trai và con dâu; bà Trần Thị T- con gái; ông Trần Trung H5 (vợ Lê Thị H) -con trai và con dâu; ông Trần Trung H1 (vợ bà Nguyễn Thị S) - **con trai và con dâu, bà S là con gái bà Nguyễn Thị V.**

3.4. Quan điểm về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ GPMB và giải quyết đơn

- Về trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ GPMB: UBND thành phố thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ GPMB quy định tại các Điều 29, 30 của Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Điều 6 của bản Quy định kèm theo Quyết định số 118/2009/QĐ-UBND ngày 06/11/2009 của UBND tỉnh Bắc Giang;

- Về thẩm quyền thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB:

Căn cứ khoản 1 và khoản 2, Điều 44, Luật Đất đai năm 2003, quy định về thẩm quyền thu hồi đất “1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thu hồi đất đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này; 2. Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam; Căn cứ khoản 1, Điều 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; khoản 2, Điều 3 của bản Quy định kèm theo Quyết định số 118/2009/QĐ-UBND ngày 06/11/2009 của UBND tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 112/2009/QĐ-UBND ngày 28/10/2009 của UBND tỉnh và Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 27/01/2011 của UBND tỉnh.

- Về các căn cứ để giải quyết đơn: Không đủ điều kiện để công nhận theo quy định tại khoản 4, Điều 50 Luật Đất đai và Điều 3, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, vì:

+ **Về đất:** Đất gia đình bà V(B) quản lý, sử dụng được UBND phường T xác nhận sử dụng sau ngày 15/10/1993 và trước ngày 01/7/2014; không có một trong các giấy tờ theo quy định tại khoản 1, 2, 5 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.

Nguồn gốc đất là: đất CDK (chuyên dùng khác) và VLXD (vật liệu xây dựng) được thể hiện trên bản đồ địa chính đo đạc năm 1998 và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, nghiệm thu theo quy định của pháp luật;

+ **Về giấy tờ:** Năm 1999, hộ khẩu của gia đình bà V được đăng ký tại thôn N, xã X (nay là phường X) ; khi đối chiếu các phiếu nộp thuế sử dụng đất của gia đình bà chỉ được thể hiện ở các năm 2006, 2008, 2009, 2010, 2011; không có giấy tờ gì khác để chứng minh việc quản lý sử dụng trước ngày 15/10/1993.

Biên bản họp dân, lấy ý kiến về việc xác định nguồn gốc đất của hộ gia đình bà V không đúng quy định, không được UBND phường T tổ chức họp và xác nhận theo quy định tại điểm 1, mục I Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT ngày 15/6/2007 Hướng thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ. Tổ dân phố họp theo tinh thần tự phát, nên không đủ cơ sở để xác định, công nhận theo quy định của pháp luật.

- Đất của gia đình bà V được UBND phường xác nhận là sử dụng từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004, theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ thì được công nhận hạn mức theo quy định tại khoản 5, Điều 84 Luật Đất đai năm 2003, và phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP về thu tiền sử dụng đất của Chính phủ với diện tích trong hạn mức; diện tích ngoài hạn mức thì phải nộp tiền theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 8 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP.

- Quy định tại khoản 6, Điều 4 Bản quy định kèm theo Quyết định số 134/2009/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của UBND tỉnh Bắc Giang chỉ áp dụng đối với trường hợp thửa đất ở được hình thành từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993, không áp dụng với trường hợp sau ngày 15/10/1993.

Bà V cho rằng Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh điều chỉnh giảm số lô đất tái định cư là không chính xác; vì tại Quyết định này Chủ tịch tỉnh chỉ giao cho Chủ tịch UBND thành phố B xem xét điều chỉnh lại nội dung về hạn mức đất ở được công nhận để bồi thường và bố trí tái định cư theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 15; điểm a, khoản 1, Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; xem xét bố trí tái định cư theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 14 bản Quy định kèm theo Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 27/01/2011 của UBND tỉnh.

Từ những căn cứ nêu trên, khẳng định việc Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 về việc giải quyết đơn đối với hộ gia đình bà V là đúng quy định.

Ngày 06/12/2013 UBND thành phố ban hành các Quyết định số 4861/QĐ-UBND về điều chỉnh diện tích, loại đất đã thu hồi đối với hộ bà Nguyễn Thị V và Quyết định số 4862/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung phương án là đúng theo quy định.

* Tại phiên tòa các đương sự có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm trình bày và không có ý kiến bổ sung gì thêm. Các đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và được Tòa án công bố lời khai tại phiên tòa hợp lệ.

Riêng bà V thay đổi yêu cầu khởi kiện: đề nghị được công nhận hạn mức đất ở là 300m² và bố trí 03 lô đất tái định cư tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 02, diện tích 1409,8m², có 08 nhân khẩu, 02 cặp vợ chồng, 02 hộ gia đình cùng chung sống (hộ ông B và hộ anh H1).

Luật sư Tạ Anh T trình bày: giữ nguyên các căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện như trong đơn khởi kiện của bà V. Đề nghị Tòa án hủy quyết định số 1523, bồi thường cho hộ bà V và hộ anh H1 300m² đất ở và 03 lô tái định cư, vì: tại thời điểm thu hồi đất trên thửa đất bị thu hồi có 02 hộ gia đình cùng chung sống là có căn cứ. Hộ anh H1 chưa được bố trí 01 lô đất tái định cư tại thời điểm thu hồi đất, anh H1 mới chỉ được nhận tặng cho 01 lô đất từ bà N.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa có quan điểm:*

Những người tiến hành tố tụng đúng thành phần, thực hiện đúng các quy định của pháp luật hành chính. Đối với những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự mà Luật tố tụng hành chính quy định. Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành là đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính: Bác yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị V.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính. Hôm nay, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Về thụ lý vụ án:

Không đồng ý với quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 30/9/2013, ngày 07/5/2014 bà Nguyễn Thị V nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính, Tòa án thụ lý giải quyết là trong thời hiệu và đúng thẩm quyền theo quy định tại các điều 30, điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2010.

[1.2] Về việc vắng mặt một số đương sự tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang (ông Lại Thanh S) và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trên.

[2]. *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đề nghị hủy quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang, HĐXX thấy:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định số 1523:

Quyết định số 1523 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang (do Phó chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang – ông Lại Thanh S ký thay) về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị V được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật tại thời điểm ban hành: Điều 7, Điều 21 Luật khiếu nại; điểm a khoản 2 Điều 138 Luật đất đai 2003; điều 126 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

[2.2] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định số 1523:

Do có khiếu nại của bà Nguyễn Thị V đối với quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 11/10/2012, Chủ tịch UBND tỉnh đã giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường xác minh, đối thoại với công dân, kết luận và đề xuất biện pháp giải quyết. Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành xác minh, đối thoại với công dân trước khi đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Trên cơ sở báo cáo kết quả xác minh của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 là hoàn toàn đúng trình tự thủ tục theo quy định từ Điều 27 đến Điều 43 của Luật khiếu nại, Luật Đất đai, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

[2.3] Về căn cứ ban hành quyết định số 1523:

Bà Nguyễn Thị V khởi kiện cho rằng quyết định số 1523 (về việc giải quyết khiếu nại của bà đối với quyết định số 3003) trái quy định pháp luật, ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của gia đình bà.

Sau khi xem xét hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy:

- Về các căn cứ để giải quyết đơn: Không đủ điều kiện để công nhận theo quy định tại khoản 4, Điều 50 Luật Đất đai và Điều 3, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, vì:

+ UBND thành phố B xác định thửa 20, tờ bản đồ số 02 (bản đồ trích đo phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng), diện tích 1.409,8m² (*thửa đất này trên bản đồ địa chính được đo vẽ năm 1998 thửa đất này là thửa đất số 166, tờ bản đồ số 2, tỷ lệ 1/2000, diện tích 11.923,2m², mục đích sử dụng : VLXD- vật liệu xây dựng*) của gia đình bà V là thửa đất có nhà ở sử dụng sau ngày 15/10/1993 và trước ngày 01/7/2004 là phù hợp với quy định tại Điều 3, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Vì :

> **Về đất:** Đất gia đình bà V (B) quản lý, sử dụng được UBND phường T xác nhận sử dụng sau ngày 15/10/1993 và trước ngày 01/7/2014; không có một trong các giấy tờ theo quy định tại khoản 1, 2, 5 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.

Nguồn gốc đất là: đất CDK (chuyên dùng khác) và VLXD (vật liệu xây dựng) được thể hiện trên bản đồ địa chính đo đạc năm 1998 và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, nghiệm thu theo quy định của pháp luật;

> **Về giấy tờ:** Năm 1999, hộ khẩu của gia đình bà V được đăng ký tại thôn N, xã X (nay là phường X). Năm 2003, gia đình bà V mới tách hộ khẩu cho con trai là Nguyễn

Văn S1 (có vợ là Trần Thị N) nhập về tại Cụm 1 (nay là Tổ dân phố 1), phường T, thành phố B; trên thực tế, hộ ông S1 (vợ là Trần Thị N) cũng bị thu hồi đất ở vị trí khác (đợt 8) thuộc dự án mở rộng nhà máy Phân đạm và hóa chất Hà Bắc. Khi đối chiếu các phiếu nộp thuế sử dụng đất của gia đình bà chỉ được thể hiện ở các năm 2006, 2008, 2009, 2010, 2011; không có giấy tờ gì khác để chứng minh việc quản lý sử dụng trước ngày 15/10/1993.

Biên bản họp dân, lấy ý kiến về việc xác định nguồn gốc đất của hộ gia đình bà V không đúng quy định, không được UBND phường T tổ chức họp và xác nhận theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai 2003; điểm 1, mục I Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT ngày 15/6/2007 Hướng thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ. Tổ dân phố họp theo tinh thần tự phát, nên không đủ cơ sở để xác định, công nhận theo quy định của pháp luật.

+ Đất của gia đình bà V được UBND phường xác nhận là sử dụng từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004, theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ thì được công nhận hạn mức theo quy định tại khoản 5, Điều 84 Luật Đất đai năm 2003, và phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP về thu tiền sử dụng đất của Chính phủ với diện tích trong hạn mức; diện tích ngoài hạn mức thì phải nộp tiền theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 8 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP.

+ Quy định tại khoản 6, Điều 4 Bản quy định kèm theo Quyết định số 134/2009/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của UBND tỉnh Bắc Giang chỉ áp dụng đối với trường hợp thửa đất ở được hình thành từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993, không áp dụng với trường hợp sau ngày 15/10/1993.

+ UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2830/QĐ-UBND ngày 27/9/2012, theo đó điều chỉnh tăng diện tích đất ở cho hộ gia đình bà V từ 100m² lên 230,9 m² với lý do theo quy định tại khoản 6, Điều 4 Bản quy định kèm theo Quyết định số 134/2009/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của UBND tỉnh Bắc Giang là trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ và không đúng bản chất, nội dung được quy định tại khoản 6 Điều 4 Bản quy định kèm theo Quyết định số 134/2009/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của UBND tỉnh Bắc Giang.

+ Gia đình bà V đề nghị được bồi thường về đất đối với thửa đất số 31, tờ bản đồ số 2, diện tích 826,9m² đất trồng cây lâu năm (*thửa đất này trên bản đồ địa chính được đo vẽ năm 1998 thửa đất này là thửa đất số 4, tờ bản đồ số 28, tỷ lệ 1/500, diện tích 2.855,7m², mục đích sử dụng : CDK- đất chuyên dùng khác*) là không có cơ sở, vì : theo công văn số 189/UBND ngày 05/9/2012 của UBND phường T xác nhận ông Nguyễn Văn B sử dụng đất sau ngày 01/7/2004 nên không được bồi thường về đất là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

+ Việc đề nghị bồi thường tài sản trên đất theo đơn giá năm 2012: UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 20/3/2012 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất là đúng quy định; đơn giá tài sản trên đất theo Bảng giá ban hành kèm theo Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 27/01/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang là đơn giá duy nhất áp dụng để tính toán bồi thường tại thời điểm thu hồi đất.

Bà V cho rằng Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh điều chỉnh giảm số lô đất tái định cư là không chính xác; vì tại Quyết định này Chủ tịch tỉnh chỉ giao cho Chủ tịch UBND thành phố B xem xét điều chỉnh lại nội dung về hạn mức đất ở được công nhận để bồi thường và bố trí tái định cư theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 15; điểm a, khoản 1, Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; xem xét bố trí tái định cư theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 14 bản Quy định kèm theo Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 27/01/2011 của UBND tỉnh.

Từ những căn cứ nêu trên, khẳng định việc Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 về việc giải quyết đơn đối với hộ gia đình bà V là đúng quy định.

[2.4] Về việc đề nghị được công nhận hạn mức đất ở là 300m² và bố trí 03 lô đất tái định cư tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.409,8m² có 08 nhân khẩu, 02 cặp vợ chồng và 02 hộ gia đình cùng chung sống (hộ ông B và hộ anh H1):

Bà V cho rằng: Tại thời điểm thu hồi đất năm 2012, trên thửa đất số 20 có 02 hộ gia đình sinh sống và 08 nhân khẩu: hộ bà Nguyễn Thị V và hộ con gái là Nguyễn Thị S (gồm có bà V, ông B, S2 là con bà V, Nguyễn Văn T- con trai bà V, S là con gái bà V, con rể là Trần Trung H1, cháu ngoại Trần Trang N, cháu ngoại Trần Khánh L, tổng là 08 người) cư trú tổ dân phố số 1, phường T, thành phố B. Và được UBND phường T và Công an phường T xác nhận ngày 15/3/2012 (bút lục 54) xác nhận tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.409,8m² có 08 nhân khẩu, 02 cặp vợ chồng và 02 hộ. Do vậy căn cứ điểm d khoản 1 Điều 14 quyết định số 36/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và căn cứ khoản 4 Điều 4 quyết định số 134/2009/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của UBND tỉnh quy định về hạn mức giao đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Các căn cứ bà V đưa ra là không có cơ sở pháp luật, vì:

- Ngày 20/3/2012, UBND thành phố có Quyết định số 624/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư (đợt 7) khi Nhà nước thu hồi đất; hộ ông Nguyễn Văn B được bố trí 02 lô đất tái định cư và được bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất với tổng kinh phí là 794.589.330đồng (theo bản danh sách xác nhận nhân khẩu của Công an phường T và UBND phường T: 8 nhân khẩu bao gồm: Chông Nguyễn Văn B, vợ Nguyễn Thị V; con trai Nguyễn Văn S2; con trai Nguyễn

Văn T; con trai ông Nguyễn Văn S1 và vợ Trần Thị N và Cháu: Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T) (bút lục 328).

Ngày 22/6/2012, UBND thành phố có Quyết định số 1642/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; trong đó: Hộ ông Nguyễn Văn B được bổ sung kinh phí hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, hỗ trợ đất nông nghiệp theo Công văn số 504/UBND-TN ngày 18/3/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang; cụ thể như sau:

- *Điều chỉnh giảm kinh phí hỗ trợ di chuyển chỗ ở trong phạm vi phường và kinh phí hỗ trợ tiền thuê nhà của hộ ông Nguyễn Văn S1 (vợ là bà N), tổng 4 nhân khẩu - là con bà V để chuyển về thửa đất số 32, tờ bản đồ số 06 (đã lập phương án BT GPMB vào đợt 8); kinh phí giảm là: 6.100.000 đồng.*

- *Tại Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 20/3/2012 của UBND thành phố phê duyệt 02 lô đất tái định cư, phải điều chỉnh giảm 01 lô đất tái định cư; lý do điều chỉnh giảm 01 lô đất do hộ ông S1 (vợ là N) chuyển xuất tái định cư về thửa đất số 32, tờ bản đồ số 06. Sau điều chỉnh hộ bà V còn lại 01 lô đất tái định cư.*

- *Bổ sung kinh phí hỗ trợ đất nông nghiệp thuộc phường là 165.000.000 đồng và bổ sung kinh phí vận dụng Công văn số 504/UBND-TN ngày 18/3/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc hỗ trợ khác để GPMB đối với những dự án tại các phường trên địa bàn TP B và dự án đường vành đai khu Đông Bắc, với kinh phí là 63.725.000 đồng.*

(Theo bản danh sách xác nhận nhân khẩu của Công an phường T và UBND phường T: 4 nhân khẩu bao gồm: Chông Nguyễn Văn B, vợ Nguyễn Thị V; con trai Nguyễn Văn S2; con trai Nguyễn Văn T) (bút lục 327).

- Trên thực tế, hộ ông S1 (vợ là Trần Thị N) cũng bị thu hồi đất ở vị trí khác (đợt 8) và đã được bố trí 03 lô đất tái định cư thuộc dự án mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc. Hộ anh Trần Trung H1 (vợ là Nguyễn thị S) cũng được bố trí tái định cư trong đợt 6 trong việc thu hồi, bồi thường hộ bà Nguyễn Thị N (chồng là H2)- là mẹ chồng của chị Nguyễn Thị S (chồng là Trần Trung H1), con gái bà V thuộc dự án mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc.

- Thực hiện Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của Chủ tịch UBND thành phố; ngày 06/12/2013 UBND thành phố ban hành các Quyết định số 4861/QĐ-UBND về điều chỉnh diện tích, loại đất đã thu hồi đối với hộ bà Nguyễn Thị V và Quyết định số 4862/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung phương án; trong đó: Điều chỉnh 130,9m² từ đất ở sang đất trồng cây lâu năm đối; điều chỉnh giảm 111.265.000đ đã phê duyệt tại Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 27/9/2012 của UBND thành phố; bổ sung tổng kinh phí 23.169.300đ (tổng kinh phí hộ bà V điều chỉnh giảm là: 88.095.700đ) và điều chỉnh giảm 01 lô đất tái định cư với hộ bà Nguyễn Thị V là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật, vì:

+ Về trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ GPMB: UBND thành phố thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ GPMB quy định

tại các Điều 29, 30 của Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Điều 6 của bản Quy định kèm theo Quyết định số 118/2009/QĐ-UBND ngày 06/11/2009 của UBND tỉnh Bắc Giang;

+ Về thẩm quyền thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB:

Căn cứ khoản 1 và khoản 2, Điều 44, Luật Đất đai năm 2003, quy định về thẩm quyền thu hồi đất “1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thu hồi đất đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này; 2. Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam; Căn cứ khoản 1, Điều 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; khoản 2, Điều 3 của bản Quy định kèm theo Quyết định số 118/2009/QĐ-UBND ngày 06/11/2009 của UBND tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 112/2009/QĐ-UBND ngày 28/10/2009 của UBND tỉnh và Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 27/01/2011 của UBND tỉnh.

+ Về căn cứ ban hành Quyết định số 4861, số 4862: căn cứ vào nguồn gốc đất là đất gia đình bà V (B) quản lý, sử dụng được UBND phường T xác nhận sử dụng sau ngày 15/10/1993 và trước ngày 01/7/2014; không có một trong các giấy tờ theo quy định tại khoản 1, 2, 5 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; xác nhận nhân khẩu, hộ khẩu như phân tích ở trên thì ngày 06/12/2013 UBND thành phố ban hành các Quyết định số 4861/QĐ-UBND về điều chỉnh diện tích, loại đất đã thu hồi đối với hộ bà Nguyễn Thị V và Quyết định số 4862/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung phương án là đúng theo quy định.

Do vậy, việc bà V đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 4 quyết định số 134/2009/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của UBND tỉnh quy định về hạn mức giao đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang là không đúng. Và việc bà V đề nghị được công nhận hạn mức đất ở là 300m² và bố trí 03 lô đất tái định cư là không có cơ sở pháp luật.

Tại phiên tòa phía người khởi kiện không đưa ra được căn cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu khởi kiện.

Vì vậy, cần bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang. Và yêu cầu đề nghị được công nhận hạn mức đất ở là 300m² và bố trí 03 lô đất tái định cư tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.409,8m² có 08 nhân khẩu, 02 cặp vợ chồng và 02 hộ gia đình cùng chung sống.

[3] Về án phí: bà Nguyễn Thị V được miễn án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 12, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi; Điều 11, Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

Áp dụng: Điều 126 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ; khoản 2 Điều 21 Luật khiếu nại và điểm a khoản 2 Điều 138 Luật đất đai 2003.

Khoản 4 Điều 50, khoản 5, Điều 84 Luật Đất đai và Điều 3 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; điểm 1, mục I Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT ngày 15/6/2007 Hướng thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ; điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP về thu tiền sử dụng đất của Chính phủ; khoản 6 Điều 4 Bản quy định kèm theo Quyết định số 134/2009/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của UBND tỉnh Bắc Giang; khoản 3 Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Bảng giá ban hành kèm theo Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 27/01/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Điều 12, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi; Điều 11, Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang. Và yêu cầu đề nghị được công nhận hạn mức đất ở là 300m² và bố trí 03 lô đất tái định cư tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.409,8m² có 08 nhân khẩu, 02 cặp vợ chồng và 02 hộ gia đình cùng chung sống.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị V được miễn án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả lại bà Nguyễn Thị V 200.000đ số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu số AA/2014/0000005 ngày 22/5/2014 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Báo cho các đương sự có mặt biết quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- CTHADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HS, THC.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung